

# Sách Daniel - Số Ba

## *Tầm nhìn kếp*

Jeff Pippenger

2023-11-25

Hiện chúng ta đang bàn đến "bảy lần" của Lê-vi Ký chương hai mươi sáu trong sách Đa-ni-ên. Điều ấy bị ẩn đối với những người đã chọn nhắm mắt, nhưng vẫn ở đó cho những ai muốn thấy. Chúng ta sẽ bắt đầu ở Đa-ni-ên chương tám, câu mười ba.

Bây giờ tôi nghe có một Đấng thánh nói; một Đấng thánh khác nói cùng Đấng thánh đang nói ấy rằng: Sự hiện thấy về việc dâng của lễ hằng ngày, và sự phạm tội làm nên sự hoang vu, sẽ còn đến chừng nào, để cho nơi thánh và đạo binh đều bị giày đạp? Daniel 8:13.

Câu bắt đầu bằng từ "then", và nhằm phân biệt với khái tượng về lịch sử tiên tri mà Đa-ni-ên vừa thấy trong mười câu trước. Câu một và câu hai của chương xác định năm Đa-ni-ên nhận được khái tượng, đồng thời cho biết ông nhận nó bên sông Ulai. Từ câu ba đến câu mười hai, ông "thấy" khái tượng về lịch sử tiên tri. "Then" ông "nghe" một cuộc đối thoại trên trời gồm một câu hỏi và một câu trả lời. Ở câu mười lăm, ông bắt đầu tìm hiểu khái tượng về lịch sử tiên tri mà ông vừa "thấy" đại diện cho điều gì. Điều cốt yếu là phải nhận ra sự phân biệt giữa khái tượng mà Đa-ni-ên "thấy" trong các câu từ ba đến mười hai, và cuộc đối thoại trên trời mà ông "nghe"—vì đó là hai khái tượng khác nhau.

Nhưng phúc thay cho mắt anh em, vì được thấy; và tai anh em, vì được nghe. Ma-thi-ơ 13:16.

Câu hỏi trong câu mười ba là: “Khái tượng sẽ kéo dài bao lâu?”, và từ được dịch là “khái tượng” ở đây là một từ tiếng Hê-bơ-rơ khác với từ được dịch là “khái tượng” trong câu mười sáu.

Và tôi nghe tiếng của một người đàn ông giữa hai bờ của Ulai, tiếng ấy gọi và nói: "Gabriel, hãy khiến người này hiểu khái tượng." Daniel 8:16.

Việc dịch hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau thành cùng một từ tiếng Anh "vision" đã khiến cụm "bảy lần" trong Lê-vi Ký hai mươi sáu trở nên "ẩn ngay trước mắt". Những người học Kinh Thánh chỉ hài lòng với việc lướt qua bề mặt coi hai từ Hê-bơ-rơ khác nhau này là cùng một từ, nhưng họ làm vậy là tự chuốc lấy nguy hiểm.

Chỉ lướt qua bề mặt thì chẳng ích lợi bao nhiêu. Cần có sự khảo cứu thấu đáo và việc học hỏi nghiêm túc, tốn sức thì mới hiểu được. Có những lẽ thật trong Lời giống như những mạch khoáng quý ẩn dưới bề mặt. Bằng cách đào tìm chúng, như người ta đào vàng và bạc, những kho báu ẩn giấu được khám phá. Hãy chắc chắn rằng bằng chứng của lẽ thật ở ngay trong Kinh Thánh. Một câu Kinh Thánh là chìa khóa để mở các câu Kinh Thánh khác. Ý nghĩa phong phú và ẩn giấu được Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời mở ra, làm cho Lời trở nên rõ ràng đối với sự hiểu biết của chúng ta: 'Khi lời Ngài được mở ra thì ban ánh sáng; ban sự hiểu biết cho người đơn sơ.' Fundamentals of Christian Education, 390.

Chúng ta được cho biết rằng "mọi chi tiết đều có ý nghĩa" trong Lời Đức Chúa Trời, và nếu chúng ta chọn phớt lờ thực tế rằng có hai từ Hê-bơ-rơ khác nhau được dịch là "khải tượng" trong chương tám, thì chúng ta phải chịu trách nhiệm vì đã tự gây cho mình sự mù lòa La-ô-đi-xê. Câu ngạn ngữ xưa nói rằng, "không ai mù bằng kẻ không chịu thấy."

Kinh Thánh chứa đựng tất cả những nguyên tắc mà con người cần hiểu để được trang bị cho đời này cũng như đời hầu đến. Và mọi người đều có thể hiểu những nguyên tắc ấy. Không ai có tấm lòng biết trân trọng những lời dạy của Kinh Thánh mà lại đọc một đoạn Kinh Thánh, dù chỉ một đoạn ngắn, mà không thu nhận từ đó một tư tưởng ích lợi. Nhưng những sự dạy dỗ quý báu nhất của Kinh Thánh không thể có được chỉ bằng việc học thĩnh thoảng hay rời rạc. Hệ thống chân lý vĩ đại của nó không được trình bày theo cách để người đọc vội vàng hay cầu thả có thể nhận ra. Nhiều kho tàng của nó nằm sâu bên dưới bề mặt và chỉ có thể đạt được bằng sự nghiên cứu siêng năng và nỗ lực không ngừng. Những lẽ thật cấu thành nên toàn thể vĩ đại ấy phải được tìm kiếm và gom góp, 'chút ít ở đây, chút ít ở kia.' Ê-sai 28:10.

Khi được tra xét và gom lại với nhau như vậy, sẽ thấy chúng ăn khớp với nhau cách hoàn hảo. Mỗi sách Phúc Âm bổ sung cho các sách khác, mỗi lời tiên tri giải thích một lời khác, mỗi lẽ thật là sự phát triển của một lẽ thật khác. Các hình bóng trong hệ thống tôn giáo Do Thái được Phúc Âm làm cho sáng tỏ. Mỗi nguyên tắc trong lời Đức Chúa Trời đều có chỗ của nó, mỗi sự kiện có mối liên hệ của nó. Và toàn bộ cấu trúc, trong thiết kế và thực hiện, làm chứng cho Tác giả của nó. Một cấu trúc như vậy thì không một tâm trí nào, ngoài tâm trí của Đấng Vô Hạn, có thể nghĩ ra hay tạo dựng được. Giáo dục, 123.

Từ "khải tượng" xuất hiện mười lần trong Đa-ni-ên chương tám, nhưng mười lần ấy gồm hai từ Hê-bơ-rơ khác nhau, và ý nghĩa của chúng không giống nhau. Nếu chúng có cùng ý nghĩa, Đa-ni-ên đã chỉ dùng một trong hai từ đó cho cả mười lần. Đa-ni-ên đã viết hai từ, vì mỗi từ có ý nghĩa riêng của nó; một từ chỉ Khải tượng Đa-ni-ên "thấy", còn từ kia chỉ Khải tượng ông "nghe". Ở câu mười ba, từ được dịch là "khải tượng" là *châzôn*, và nó có nghĩa là "một cảnh tượng", hoặc "một Khải tượng", "một giấc mộng" hay "một lời sấm ngôn". Tôi gọi nó là "khải tượng về lịch sử tiên tri" dựa trên định nghĩa của nó và cách Đa-ni-ên sử dụng.

Trong câu một của Đa-ni-ên đoạn tám, Đa-ni-ên nói: "một Khải tượng hiện đến với tôi," và trong câu hai ông hai lần nói rằng ông "thấy trong Khải tượng." Rồi đến câu mười ba, có câu hỏi được nêu ra: "Khải tượng sẽ kéo dài bao lâu." Tất cả những chỗ dùng ấy đều là từ Hê-bơ-rơ "*châzôn*." Kế đến ở câu mười lăm, chúng ta gặp có lẽ lần quan trọng nhất Đa-ni-ên dùng chính từ ấy, vì ông nói: "khi tôi"... "đã thấy Khải tượng và tìm hiểu ý nghĩa." Sau khi Đa-ni-ên đã thấy Khải tượng *châzôn*, ông muốn hiểu nó có nghĩa gì. Đây là một thực tế có ảnh hưởng lớn đến việc giấu kín "bảy lần" của Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu trong chương này.

Ông cũng dùng từ *châzôn* ở các câu 17 và 26. Từ "vision" xuất hiện mười lần trong sách Đa-ni-ên đoạn tám, và từ *châzôn* chiếm bảy trong số các trường hợp ấy. Đa-ni-ên dùng từ Hê-bơ-rơ khác được dịch là "vision" bốn lần. Từ Hê-bơ-rơ còn lại là *mar'eh*, và có nghĩa là "diện mạo".

*Châzôn* xuất hiện bảy lần trong Daniel chương tám, và *mar'eh* xuất hiện bốn lần, và gộp lại chúng tương ứng với mười lần từ tiếng Anh "vision" xuất hiện trong Daniel chương tám. Bảy cộng bốn là

mười một, vì trong một lần Daniel dùng từ mar'eh, nó đã được dịch đúng như định nghĩa của nó; bởi ở câu mười lăm, khi Daniel "tìm hiểu ý nghĩa" của khái tượng chazôn về lịch sử tiên tri, đã "đứng trước mặt" ông "như hình dáng của một người." Từ "appearance" là mar'eh. Vì vậy, mar'eh được Daniel dùng bốn lần trong Daniel chương tám, và một lần nó được dịch phù hợp với định nghĩa chính của nó là "appearance", còn ba lần kia nó được dịch là "vision."

Tôi không có ý chỉ trích những người đã dịch Kinh Thánh King James. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng ở câu mười ba có từ duy nhất được thêm vào trong bản Kinh Thánh King James (sacrifice), mà sự linh hứng khẳng định dứt khoát là "không thuộc về bản văn." Sự linh hứng còn nói rằng từ được thêm ấy đã được "thêm vào bởi sự khôn ngoan của con người." Ngay trong cùng chương đó, hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau đều được dịch thành cùng một từ tiếng Anh. Lý do tại sao việc nhận ra sự khác biệt giữa hai từ này là điều thiết yếu lại mang ý nghĩa hết sức quan trọng.

Và đã xảy ra rằng, khi tôi, chính tôi là Daniel, đã thấy khái tượng và tìm hiểu ý nghĩa, thì kia, trước mặt tôi có một hình dáng như một người đang đứng. Tôi nghe một giọng người ở giữa hai bờ sông Uлай gọi và nói: "Gabriel, hãy làm cho người này hiểu khái tượng." Daniel 8:15, 16.

Khi Đa-ni-ên "tìm hiểu ý nghĩa" của "khái tượng chazôn" mà ông vừa "thấy", Đấng Christ bảo Ga-bri-ên "khiến" Đa-ni-ên hiểu "khái tượng mar'eh" mà ông vừa "nghe". Đa-ni-ên muốn hiểu khái tượng về lịch sử tiên tri, nhưng Đấng Christ, Đấng đã được xác định ở câu mười ba là Palmoni (vị thánh kia đã phán), đã chỉ thị Ga-bri-ên khiến Đa-ni-ên hiểu "khái tượng mar'eh", chứ không phải "khái tượng chazôn". Trong các câu mười lăm và mười sáu, mục đích được nêu ra cho Ga-bri-ên là ông phải khiến Đa-ni-ên hiểu "khái tượng mar'eh", tức là từ được dịch là "khái tượng", có nghĩa là "sự xuất hiện", chứ không phải khái tượng về lịch sử tiên tri mà Đa-ni-ên muốn hiểu. Nếu không nhận ra nhiệm vụ được giao cho Ga-bri-ên, thì "bảy lần" trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu bị ẩn ngay trước mắt.

Ở câu 26, cả hai từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là "khái tượng" đều nằm trong chính câu ấy, và câu ấy trở thành một trong những chìa khóa chính để mở ra chân lý về lời chứng của Đa-ni-ên về "bảy lần".

Khái tượng về buổi chiều và buổi mai đã được nói là thật; vì vậy, người hãy niệm phong khái tượng ấy, vì phải còn lâu ngày nữa. Đa-ni-ên 8:26.

Trong câu hai mươi sáu, "khái tượng về buổi chiều và buổi sáng" là khái tượng mar'eh, nghĩa là "sự xuất hiện", nhưng khái tượng phải "đóng kín" là khái tượng chazôn về lịch sử tiên tri. Cụm từ "buổi chiều và buổi sáng" chính là yếu tố tách riêng và nhận diện sự khác biệt giữa hai khái tượng. Điều này cũng minh họa thêm yếu tố con người trong việc hình thành Kinh Thánh. Yếu tố con người bao gồm cả các nhà tiên tri ghi chép lời Kinh Thánh, lẫn những người dịch Kinh Thánh. Kinh Thánh, cũng như Đấng Christ, là sự kết hợp giữa thần tính và nhân tính. Tính nhân loại ấy truyền suốt dòng lịch sử, từ A-đam sau khi ông phạm tội cho đến những người ghi chép và dịch Kinh Thánh. Đấng Christ và Kinh Thánh đều là Lời của Đức Chúa Trời, và Lời của Đức Chúa Trời là tinh sạch, vì thần tính trong sự kết hợp ấy luôn vượt trên và chế ngự mọi giới hạn tồn tại nơi xác thịt.

Phao-lô, tôi tớ của Đức Chúa Giê-xu Christ, được gọi làm sứ đồ, được biệt riêng cho Tin Lành của Đức Chúa Trời, (mà Ngài đã hứa trước bởi các đấng tiên tri của Ngài trong Kinh Thánh,) về Con Ngài là Đức Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta, vốn thuộc dòng dõi Đa-vít theo xác thịt. Rô-ma 1:1-3.

Cụm từ "buổi chiều và buổi mai" xuất hiện nhiều lần trong Lời Đức Chúa Trời, và luôn được dịch là "buổi chiều và buổi mai", như ở câu hai mươi sáu, và như thường được dịch trong câu chuyện sáng tạo trong sách Sáng-thế Ký, nơi nhiều lần chép: "và có buổi chiều và buổi mai...". Thật vậy, và mọi sự kiện đều có ý nghĩa của nó (và sự kiện này là điều cốt yếu để hiểu), chỗ duy nhất trong Kinh Thánh mà cụm từ "buổi chiều và buổi mai" không được dịch là "buổi chiều và buổi mai" (như ở câu hai mươi sáu) là ở câu mười bốn của Đa-ni-ên đoạn tám. Ở đó, và chỉ ở đó trong Lời Đức Chúa Trời, cụm từ "buổi chiều và buổi mai" được dịch đơn giản là "ngày".

Và người ấy nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đèn thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:14.

Mười hai câu sau đó, trong cùng chương của sách Đa-ni-ên, cụm từ tiếng Hê-bơ-ro "chiều và sáng" được dịch như vẫn luôn được dịch; nhưng ở câu vốn là trụ cột và nền tảng trung tâm của Phục Lâm, cụm từ ấy lại chỉ được dịch là "ngày". Ảnh hưởng nào đã khiến các dịch giả của Bản Kinh Thánh King James đưa ra một mâu thuẫn hiển nhiên như vậy? Họ đã dịch cụm từ ở câu hai mươi sáu phù hợp với mọi lần cụm từ đó xuất hiện trong phần còn lại của Kinh Thánh. Nhưng mười hai câu trước câu hai mươi sáu, ở câu mười bốn, bản tính con người của họ đã đặt một sự phân biệt đặc biệt lên câu trả lời cho câu hỏi ở câu mười ba. Và câu hỏi ở câu mười ba có bao hàm một từ (tế lễ), là từ không được phép thêm vào Kinh Thánh. Đức Chúa Trời muốn câu mười bốn nổi bật theo một cách rất sâu sắc và đặc biệt. Khi làm như vậy, Ngài cũng xác định điều mà Ga-bri-ên được chỉ dạy phải làm cho Đa-ni-ên hiểu.

Trong câu mười sáu, Chúa Giê-su truyền cho Ga-bri-ên khiến Đa-ni-ên hiểu khái tượng mar'eh, mặc dù Đa-ni-ên đang tìm cách hiểu khái tượng châzôn về lịch sử tiên tri. Câu hai mươi sáu nói rằng "khái tượng về buổi chiều và buổi sáng đã được nói" là "chân thật." Khái tượng châzôn là một "thị kiến" tiên tri, còn khái tượng mar'eh thì được "truyền," vì nó đã được phán ra. Nó đã được phán trong câu mười bốn khi Palmoni nói: "cho đến hai nghìn ba trăm buổi chiều và buổi sáng; rồi nơi thánh sẽ được thanh sạch." Câu hai mươi sáu dùng cách nói "buổi chiều và buổi sáng," vì nó xác định đó là khái tượng đã được "phán," nhằm nêu rõ sự phân biệt giữa hai khái tượng trong Đa-ni-ên chương tám. Khái tượng về lịch sử tiên tri mà Đa-ni-ên đã "thấy," và mà Đa-ni-ên muốn hiểu, khác với khái tượng đã được "phán" mà Đa-ni-ên đã "nghe." Quan trọng hơn, khái tượng mà Đa-ni-ên "nghe" mới là khái tượng mà Ga-bri-ên phải giúp Đa-ni-ên hiểu.

Những con người tham gia vào việc biên soạn Kinh Thánh đã ghi chép từ "khái tượng" mười lần trong chương tám của sách Daniel, và khi làm vậy họ đã che khuất sự phân biệt giữa một khái tượng được "thấy" và một khái tượng được "nghe". Như thế, họ đã làm lu mờ điềm nhấn cho thấy rằng ý định của Đấng Christ là để Daniel hiểu khái tượng ông đã "nghe" hơn là hiểu khái tượng ông đã "thấy". Giờ đây chúng ta có thể xem Gabriel làm gì để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Vậy người đến gần chỗ tôi đứng; khi người đến, tôi sợ hãi và sấp mặt xuống đất. Nhưng người nói với tôi: Hãy hiểu, hỡi con người, vì Khải tượng ấy là cho thời kỳ cuối cùng. Trong khi người đang nói với tôi, tôi rơi vào cơn mê, mặt úp xuống đất; nhưng người chạm vào tôi và đỡ tôi đứng thẳng dậy. Người nói: Kia, ta sẽ cho người biết điều gì sẽ xảy ra vào kỳ cuối cùng của cơn thịnh nộ, vì đến kỳ đã định thì sự cuối cùng sẽ đến. Đa-ni-ên 8:17-19.

Bây giờ Gáp-ri-ên bắt đầu công việc khiến Đa-ni-ên hiểu Khải tượng về hai nghìn ba trăm buổi chiều và buổi sáng, là điều chân thật. Trước hết, Ngài cho ông biết rằng Khải tượng về lịch sử tiên tri, tức Khải tượng châzôn, sẽ xảy ra vào "thời kỳ cuối cùng." Rồi, trong khi Đa-ni-ên đang ở trong cơn mê tiên tri, Gáp-ri-ên chạm vào ông và đỡ ông đứng thẳng dậy. Ngài bảo ông: "Ta sẽ cho người biết."

Đó là điều Palmoni (Đấng Christ) đã bảo Ga-bri-ên làm, khi Ngài nói: "Ga-bri-ên, hãy làm cho người này hiểu Khải tượng mar'eh" về các buổi chiều và buổi sáng. Ga-bri-ên nói rằng ông sẽ khiến Đa-ni-ên "biết điều gì sẽ có trong thời kỳ cuối cùng của cơn phẫn nộ." Chính đó! Chính là "bảy lần" của Lê-vi Ký hai mươi sáu! Nó bị ẩn giấu bởi chính kỹ thuật tiên tri mà Ga-bri-ên đã dẫn dắt các nhà tiên tri nhiều lần làm chứng và sử dụng trong các trước tác của họ! Kỹ thuật ấy là "dòng trên dòng, chút ít ở đây, chút ít ở kia".

Trong cuốn sách "Thoughts on Daniel and the Revelation" của Uriah Smith (mà tất cả tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm, thậm chí cả hàng xóm của họ, đều nên biết rõ), Smith bình luận về các câu 17 đến 19 của sách Đa-ni-ên đoạn 8:

Với lời tuyên bố tổng quát rằng đến kỳ đã định thì sự cuối cùng sẽ đến, và rằng ông sẽ cho người kia biết điều gì sẽ xảy ra trong phần cuối cùng của cơn thịnh nộ, ông bắt đầu giải nghĩa Khải tượng. Con thịnh nộ phải được hiểu là bao trùm một giai đoạn thời gian. Thời kỳ nào? Đức Chúa Trời đã nói với dân Ngài là Israel rằng vì sự gian ác của họ, Ngài sẽ đổ cơn thịnh nộ của Ngài trên họ; và như vậy Ngài đã ban chỉ thị liên quan đến "vị vương phạm tục, gian ác của Israel:" "Hãy cất bỏ mũ miện, và tháo bỏ vương miện. . . . Ta sẽ lật đổ, lật đổ, lật đổ nó: và nó sẽ không còn nữa, cho đến khi người có quyền đối với nó đến; và Ta sẽ ban nó cho người ấy." Ezekiel 21:25-27, 31.

Đây là thời kỳ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chống lại dân giao ước của Ngài; thời kỳ trong đó đền thánh và đạo binh bị giày đạp. Mãn triều bị cất đi, và vương miện bị tháo bỏ, khi Israel bị đặt dưới ách vương quốc Babylon. Nó lại bị lật đổ bởi người Mê-đi và Ba Tư, lại bởi người Hy Lạp, lại bởi người La Mã, ứng với ba lần từ ấy được nhà tiên tri lặp lại. Bây giờ, vì đã khước từ Đấng Christ, người Do Thái chẳng bao lâu bị tản lạc khắp mặt đất; và Israel thuộc linh đã thay thế dòng dõi theo xác thịt; nhưng họ vẫn ở dưới quyền các thế lực trần gian, và sẽ như vậy cho đến khi ngai của Đa-vít lại được lập—cho đến khi Đấng là người thừa kế chính đáng của ngai ấy, Đấng Mê-si, Hoàng Tử Bình An, đến; bây giờ nó sẽ được trao cho Ngài. Khi ấy cơn thịnh nộ sẽ chấm dứt. Những gì sẽ xảy ra vào đoạn cuối cùng của thời kỳ này, thiên sứ nay sẽ cho Đa-ni-ên biết. Uriah Smith, Đa-ni-ên và Khải Huyền, 201, 202.

"Sự phẫn nộ" mà Smith đang xác định bắt đầu khi Manasseh bị người Assyria đưa đến Babylon vào năm 677 TCN. Thật không may, Smith lấy sự lật đổ của Zedekiah vào năm 586 TCN và coi đó là điểm khởi đầu của thời kỳ "sự phẫn nộ" ở câu mười chín. Smith đơn giản không đề cập đến ý

nghĩa của việc câu nói “kết cuộc sau cùng của sự phẫn nộ.” Ông coi đó đơn thuần là “sự phẫn nộ,” dù rằng nếu có một “kết cuộc sau cùng” của sự phẫn nộ, thì ngữ pháp và logic đòi hỏi ít nhất cũng phải có một “kết cuộc đầu tiên” của sự phẫn nộ. Smith biết bảy mươi năm lưu đày bắt đầu với cuộc tấn công đầu tiên của Nebuchadnezzar chống lại Jehoiakim vào năm 606 TCN, nhưng ông lại xác định mốc bắt đầu cho thời kỳ “phẫn nộ” là cuộc tấn công thứ ba của Nebuchadnezzar, được thực hiện chống lại Zedekiah, vị vua Giu-đa cuối cùng.

“Mặc dù chúng ta có một bản tường thuật về thời niên thiếu của ông [Đa-ni-ên] chi tiết hơn điều được ghi lại về bất cứ nhà tiên tri nào khác, song sự chào đời và dòng dõi của ông vẫn hoàn toàn bị phủ trong mờ tối, ngoại trừ việc ông thuộc hoàng tộc, có lẽ thuộc nhà Đa-vít, vốn vào thời ấy đã trở nên rất đông. Ông trước hết xuất hiện như một trong những tù binh cao quý của Giu-đa, vào năm đầu triều Nê-bu-cát-nét-sa, vua Ba-by-lôn, khi bắt đầu thời kỳ lưu đày bảy mươi năm, năm 606 TCN. Giê-rê-mi và Ha-ba-cúc vẫn còn đang công bố các lời tiên tri của mình. Ê-xê-chi-ên bắt đầu ít lâu sau đó, và một thời gian ngắn sau nữa là Áp-đi-a; nhưng cả hai vị này đều kết thúc chức vụ của mình nhiều năm trước khi sự nghiệp lâu dài và rực rỡ của Đa-ni-ên khép lại. Chỉ có ba nhà tiên tri tiếp nối ông: A-ghê và Xa-cha-ri, là những người thi hành chức vụ tiên tri trong một thời gian ngắn đồng thời với nhau, vào các năm 520–518 TCN, và Ma-la-chi, nhà tiên tri cuối cùng của Cựu Ước, người đã hưng thịnh trong một thời gian ngắn vào khoảng năm 397 TCN.” Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 19.

Smith đã xác định đúng “sự phẫn nộ” ở câu mười chín là một khoảng thời gian. Ông đã xác định đúng khoảng thời gian ấy là sự giày đạp đền thánh và đạo binh, phù hợp với sách Đa-ni-ên chương 8 câu 13, và ông cũng xác định đúng điểm kết thúc là ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Smith đúng một phần, nhưng đã bỏ lỡ chân lý khi làm điều vốn là đặc trưng trong cách ông áp dụng lời tiên tri. Ông đã để lịch sử dẫn dắt cách ông giải thích lời tiên tri, thay vì để lời tiên tri hướng dẫn sự hiểu biết của ông về lịch sử. Nếu chúng ta để Kinh Thánh định nghĩa lịch sử tiên tri, thì chúng ta sẽ có thông tin đúng đắn để tiếp cận lịch sử.

Kinh Thánh dạy rằng người nào bị ai chế ngự thì trở nên tội tớ của người ấy.

Trong khi họ hứa ban tự do cho người khác, chính họ lại là nô lệ của sự hư hoại; vì ai bị ai thắng thì người ấy trở nên nô lệ của kẻ ấy. 2 Phi-e-rơ 2:19.

Ma-na-se bị bắt lưu đày đến Ba-by-lôn vào năm 677 TCN. Chính tại đó, Giu-đa bị khuất phục và bị đưa vào ách nô lệ. Đây là điểm khởi đầu được thể hiện trên cả các biểu đồ năm 1843 và 1850, mà Bà White xác nhận là đúng. Smith khởi đầu sự “chà đạp” trong Đa-ni-ên đoạn tám, câu mười ba từ thời Sê-đê-kia, vị vua cuối cùng của Giu-đa. Sê-đê-kia là điểm kết thúc của một tiến trình phán xét chứ không phải khởi đầu. Bà White cho biết việc Ma-na-se bị lưu đày tại Ba-by-lôn là một “earnest” về những điều sẽ đến. Một “earnest” là một khoản đặt cọc, và đánh dấu sự khởi đầu của một việc mua còn có các khoản thanh toán tiếp theo.

"Các tiên tri vẫn trung tín tiếp tục đưa ra những lời cảnh báo và khuyên răn; họ không hề sợ hãi mà nói với Manasseh và dân của ông; nhưng các sứ điệp ấy bị khinh thường; Judah sa sút đức tin đã không chịu lắng nghe. Như một điềm báo trước về điều sẽ xảy đến cho dân nếu họ cứ tiếp tục không ăn năn, Chúa cho phép vua của họ bị một toán lính Assyrian bắt, những người

đã ‘trói ông bằng xiềng xích và đưa ông đến Babylon,’ thủ đô tạm thời của họ. Tai họa này khiến vua tỉnh ngộ; ‘ông khẩn cầu Chúa là Đức Chúa Trời của mình, và hết mực tự hạ trước Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, và cầu nguyện với Ngài; và Ngài đã động lòng vì ông, nghe lời nài xin của ông, và lại đưa ông trở về Jerusalem vào trong vương quốc của ông. Bấy giờ Manasseh biết rằng Chúa chính là Đức Chúa Trời.’ 2 Sử Ký 33:11-13. Nhưng sự ăn năn này, dẫu đáng chú ý đến đâu, cũng đã quá muộn để cứu vương quốc khỏi ảnh hưởng băng hoại của bao năm thực hành thờ thần tượng. Nhiều người đã vấp ngã và gục xuống, chẳng bao giờ đứng dậy nữa." Tiên Tri và Các Vua, 382.

Ma-na-se đã đánh dấu “khoản đặt cọc” mở đầu cho “lời nguyện” của “bảy lần”, vốn là “con thịnh nộ” sau cùng, vì “con thịnh nộ” thứ nhất đã bắt đầu khi vương quốc phương bắc bị đưa vào lưu đày vào năm 723 TCN. Rồi khi Giê-hô-gia-kim bị lật đổ, lúc Đa-ni-ên bị đem đi lưu đày, bảy mươi năm lưu đày mà Giê-rê-mi đã xác định bắt đầu vào năm 606 TCN. Hai đời vua sau Giê-hô-gia-kim, Giê-ru-sa-lem bị phá hủy và vị vua Giu-đa cuối cùng, Sê-đê-kia, đã chứng kiến các con trai mình bị giết trước mặt ông; rồi ông bị chọc mù mắt và bị đem đi lưu đày sang Ba-by-lôn.

Smith quy toàn bộ tiến trình phán xét cho Xê-đê-kia và dùng lời phán xét về Xê-đê-kia làm văn bản bằng chứng cho giả thuyết của mình. Lời phán xét dành cho Xê-đê-kia, người là “vị vương gian ác và phạm thánh,” quả thật chỉ ra rằng vương miện của Giu-đa sẽ bị cất bỏ cho đến khi Đấng Christ đến để lập một vương quốc. Smith nói, “họ lệ thuộc các quyền lực trần thế, và sẽ còn như vậy cho đến khi ngai Đa-vít được lập lại,—cho đến khi Đấng là người thừa kế hợp pháp của ngai ấy, Đấng Mê-si, Vị Hoàng Tử của sự bình an, đến, và bấy giờ nó sẽ được trao cho Ngài.” Ngày 22 tháng 10 năm 1844, ứng nghiệm Đa-ni-ên chương bảy, câu mười ba và mười bốn, Đấng Christ, được mô tả là Con Người, đã đến trước mặt Cha để nhận lãnh một vương quốc.

Tôi thấy trong những khải tượng ban đêm, kia, có một Đấng giống như Con Người đến cùng mây trời, đến với Đấng Thượng Cổ; họ đưa Người đến gần trước mặt Đấng ấy. Người được ban cho quyền cai trị, vinh quang và một vương quốc, để mọi dân, mọi nước và mọi ngôn ngữ đều phục vụ Người; quyền cai trị của Người là quyền cai trị đời đời, chẳng hề qua đi, và vương quốc của Người là vương quốc sẽ không bị hủy diệt. Đa-ni-ên 7:13, 14.

Bà White xác nhận rằng Đa-ni-ên chương bảy, câu mười ba và mười bốn đã được ứng nghiệm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Sự đến của Đấng Christ, với tư cách là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, vào Nơi Chí Thánh để thanh tẩy đền thánh, được trình bày trong Đa-ni-ên 8:14; sự đến của Con Người đến với Đấng Thượng Cổ, như được trình bày trong Đa-ni-ên 7:13; và việc Chúa đến đền thờ của Ngài, đã được Ma-la-chi tiên báo, đều là những mô tả về cùng một sự kiện; và điều này cũng được minh họa bằng việc chàng rể đến dự lễ cưới, được Đấng Christ mô tả trong dụ ngôn mười trinh nữ ở Ma-thi-ơ 25." Đại Tranh Chiến, 426.

Smith đã không đề cập đến yếu tố then chốt của “kỳ cuối của con thịnh nộ.” Ông đã tránh nguyên tắc Kinh Thánh xác định rằng Giu-đa bị khuất phục trong thời Manase, và rằng cuộc lưu đày bắt đầu hai đời vua trước Xê-đê-kia cũng cho thấy Giu-đa đã ở dưới ách Ba-by-lôn trước khi Xê-đê-kia gặp số phận của mình. Với những sự bỏ sót lộ liễu ấy, ông vẫn nói: “đây là thời kỳ con thịnh nộ

của Đức Chúa Trời chống lại dân giao ước của Ngài; thời kỳ trong đó đền thánh và đạo binh bị chà đạp.” Vì vậy, ông trực tiếp liên kết “thời kỳ con thịnh nộ của Đức Chúa Trời” với chương tám sách Đa-ni-ên và câu hỏi “bao lâu” ở câu mười ba. Câu trả lời ở câu mười bốn là cho đến ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Sự tán lạc vào ách nô lệ Ba-by-lôn là một tiến trình lịch sử bắt đầu từ năm 677 TCN và kéo dài cho đến năm 1844. Khoảng thời gian đó tương đương hai nghìn năm trăm hai mươi năm, tức là “bảy lần” trong Lê-vi Ký đoạn 26. Sự kết thúc của khoảng thời gian ấy vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 đã đem lại cho Đa-ni-ên một lời chứng thứ hai về “khải tượng mar'eh” của hai nghìn ba trăm buổi chiều và buổi mai.

Ga-bri-ên được bảo phải làm cho Đa-ni-ên hiểu Khải tượng ấy, và điều Ga-bri-ên đã làm là đưa ra một lời chứng thứ hai xác nhận ngày kết thúc là 22 tháng 10 năm 1844. Không những ông cung cấp một lời chứng thứ hai để xác lập ngày ứng nghiệm của cả hai lời tiên tri về thời kỳ, mà như Smith đã chỉ ra một cách chính xác, khoảng thời gian gắn với lời chứng thứ hai về năm 1844 đã được xác định ở câu mười ba là thời kỳ đền thánh và đạo binh bị chà đạp. Câu hỏi ở câu mười ba là: “Khải tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây hoang tàn sẽ còn bao lâu, để cho cả đền thánh và đạo binh bị chà đạp?” Khoảng thời gian đó chính là “bảy lần” trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu.

Điều mà Smith không nhìn thấy, hoặc đã tránh không xác định, là “con phần nộ” ở câu mười chín chính là “kết cuộc cuối cùng” của con phần nộ ấy. Nếu đã có “cuối cùng” thì cũng có “đầu tiên”, và trong chương mười một, Đa-ni-ên xác định khi “con phần nộ thứ nhất” chấm dứt. Ông đang chỉ ra giáo hoàng quyền cai trị trong Thời kỳ Tăm Tối, và ông nói rằng giáo hoàng quyền sẽ thịnh vượng cho đến khi con phần nộ được hoàn tất, hoặc chấm dứt.

Vua ấy sẽ làm theo ý muốn mình; sẽ tự tôn mình và tự nâng mình lên trên mọi thần, nói những điều lạ lùng chống lại Đức Chúa Trời của các thần, và sẽ thịnh vượng cho đến khi con thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định ắt sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

Câu 36 được nhiều người cho là câu mà sứ đồ Phao-lô đã diễn ý lại trong thư thứ hai gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca.

Đừng để ai dùng bất cứ cách nào lừa dối anh em; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không xảy ra sự bội đạo, và kẻ tội ác, con của sự hư mất, được bày tỏ; kẻ chống nghịch và tự tôn mình lên trên mọi cái gọi là thần, hoặc mọi vật được thờ phượng; đến nỗi người ấy ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời, tỏ mình ra là Đức Chúa Trời. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3, 4.

“Người của tội lỗi” của Phao-lô, cũng là “con của sự hư mất,” kẻ “chống đối và tôn mình lên trên mọi điều được gọi là Đức Chúa Trời, hoặc được thờ phượng,” cũng chính là “vị vua” kẻ “sẽ làm theo ý mình; và sẽ tôn mình lên, và tự làm cho mình lớn hơn mọi thần.” Cả hai đoạn đều ám chỉ giáo hoàng La Mã. Đa-ni-ên viết rằng giáo hoàng sẽ thịnh vượng, nghĩa là tiến lên, cho đến khi “con phần nộ được hoàn tất.” Con phần nộ ở câu ba mươi sáu đã được “định.” Từ “determined” có nghĩa là “làm bị thương.”

Giáo hoàng quyền đã nhận “vết thương chí tử” vào năm 1798, và vào thời điểm đó “con thịnh nộ thứ nhất” đã được hoàn tất hay chấm dứt. Từ “accomplish” có nghĩa là kết thúc hoặc chấm dứt. Sự chấm dứt của “con thịnh nộ” trong chương tám, câu mười chín xác định sự kết thúc của thời kỳ mà đền thánh và đạo binh bị chà đạp. Thời kỳ ấy kết thúc vào năm 1844, nhưng “con thịnh nộ” thứ nhất đã kết thúc vào năm 1798.

“Con phần nộ cuối cùng” kết thúc vào năm 1844, hai nghìn năm trăm hai mươi năm sau khi vua Manasseh bị người Assyria đưa đến Babylon vào năm 677 trước Công nguyên. “Con phần nộ đầu tiên” kết thúc vào năm 1798, hai nghìn năm trăm hai mươi năm sau khi Vương quốc Israel phía Bắc bị người Assyria đưa vào ách nô lệ vào năm 723 trước Công nguyên.

Còn nhiều điều để nói về “bảy lần” ẩn giấu trong sách Daniel và chúng tôi sẽ đề cập đến điều đó trong bài viết tiếp theo.

'Và hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh tại Laodicea: Đây là lời phán của Đấng A-men, Chúng Nhân thành tín và chân thật, là khởi đầu của sự sáng tạo của Đức Chúa Trời: Ta biết các việc làm của ngươi: ngươi chẳng lạnh cũng chẳng nóng; ước chi ngươi lạnh hoặc nóng! Vậy, bởi vì ngươi hâm hẩm, chẳng lạnh cũng chẳng nóng, Ta sẽ mưa ngươi ra khỏi miệng Ta. Vì ngươi nói: Ta giàu có, đã phát đạt, chẳng cần chi hết; mà chẳng biết rằng ngươi khốn khổ, đáng thương, nghèo nàn, đui mù và trần truồng.'

Chúa cho chúng ta thấy rằng sứ điệp mà các mục sư Ngài kêu gọi để cảnh báo dân sự phải mang đến cho dân Ngài không phải là một sứ điệp bình an và yên ổn. Nó không chỉ là lý thuyết, mà còn thực tiễn trong mọi phương diện. Dân sự của Đức Chúa Trời được mô tả trong sứ điệp gửi cho người La-ô-đi-xê là đang ở trong tình trạng an ổn theo xác thịt. Họ an ổn, tin rằng mình đang ở trong một tình trạng cao trọng về thành tựu thuộc linh. “Vì ngươi nói rằng: Ta giàu có, đã nên giàu rồi, chẳng cần chi hết; mà không biết rằng ngươi khốn khổ, đáng thương, nghèo nàn, đui mù, và trần truồng.”

“Có sự lừa dối nào lớn hơn có thể ập đến trên tâm trí loài người hơn sự tin chắc rằng họ đứng trong khi họ hoàn toàn sai lầm! Sứ điệp của Đấng Chứng Nhân Chân Thật thấy dân của Đức Chúa Trời đang ở trong một sự lầm lạc đáng buồn, song chân thành trong sự lầm lạc ấy. Họ không biết rằng tình trạng của mình là đáng thương trước mắt Đức Chúa Trời. Trong khi những người được nhắm đến đang tự tâng bốc rằng họ ở trong một tình trạng thuộc linh cao trọng, thì sứ điệp của Đấng Chứng Nhân Chân Thật phá vỡ sự yên ổn của họ bằng lời quở trách gây kinh ngạc về tình trạng thật của họ: mù lòa thuộc linh, nghèo khó, và khốn cùng. Lời chứng, sắc bén và nghiêm khắc đến thế, không thể là một sự sai lầm, vì chính Đấng Chứng Nhân Chân Thật đang phán, và lời chứng của Ngài ắt phải đúng.” Lời Chứng, quyển 3, trang 252.